

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Khái niệm phân tích tài chính

Phân tích tài chính là một quá trình kiểm tra, xem xét các số liệu về tài chính hiện hành và trong quá khứ nhằm mục đích đánh giá thực trạng tài chính, dự tính các rủi ro và tiềm năng tương lai của một doanh nghiệp, trên cơ sở đó giúp cho các nhà phân tích tài chính có liên quan đến lợi ích của họ trong doanh nghiệp.

1.2. Mục đích ý nghĩa đánh giá tài chính

1.2.1- Mục đích

Phân tích tài chính là một công cụ hết sức quan trọng đối với người quản lý doanh nghiệp. Bằng cách so sánh, đánh giá và phân tích xu hướng, đánh giá tình hình tài chính nhằm mục đích sau:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin về tài chính cho chủ sở hữu, cho người vay, nhà đầu tư, ban lãnh đạo doanh nghiệp để giúp họ có những quyết định đúng đắn trong tương lai.
- Đánh giá đúng thực trạng doanh nghiệp trong kỳ báo cáo về vốn, tài sản, hiệu quả của việc sử dụng vốn và tài sản hiện có, tìm ra các tồn tại và nguyên nhân của nó để có biện pháp đối phó thích hợp trong tương lai.
- Cung cấp những thông tin về tình hình huy động vốn, các hình thức huy động vốn, chính sách vay nợ, mức độ sử dụng các loại đòn bẩy nhằm đạt được yêu cầu gia tăng lợi nhuận trong tương lai.

Mặt khác, đánh giá tài chính doanh nghiệp còn là vấn đề quan tâm của những người bên ngoài có quan hệ với doanh nghiệp như ngân hàng, những người cho vay,.... Mục đích đánh giá tài chính phụ thuộc vào chủ thể đánh giá.

Đối với người quản lý doanh nghiệp: mục đích cơ bản của việc đánh giá tình hình tài chính là:

- + Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và việc thực hiện các biện pháp tài chính của doanh nghiệp, từ đó tạo ra cơ sở đưa ra các quyết định quản lý thích hợp.
- + Xác định tiềm năng phát triển của doanh nghiệp.

- + Xác định các điểm yếu cần khắc phục, cải thiện.

Đối với bản thân công ty, việc đánh giá tài chính sẽ giúp cho các nhà quản trị tài chính công ty đánh giá được tình hình tài chính của công ty một cách hệ thống đầy đủ, trên cơ sở đó có thể đưa ra những hoạch định phù hợp nhằm duy trì hoặc cải thiện tình hình công ty ngày càng tốt hơn.

Đối với người ngoài doanh nghiệp:

- + Đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp

- + Đánh giá khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ở hiện tại và tương lai.

Tùy theo mối quan hệ của các đối tác đối với công ty mà các tổ chức bên ngoài công ty sẽ quan tâm đến các khía cạnh khác nhau về tài chính của công ty. Các chủ nợ ngắn hạn thường xuyên quan tâm đến khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty qua các đảm bảo về tài sản lưu động và ngân lưu ròng mang lại từ hoạt động kinh doanh. Trong khi đó các chủ nợ dài hạn và các nhà đầu tư lại quan tâm đến khả năng sinh lời trong dài hạn và rủi ro trong hoạt động cũng như trong cơ cấu tài chính của công ty.

Xem thêm Chuyên mục ==> **[BÁO CÁO THỰC TẬP TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP](https://baocaothuctap.net/bao-cao-thuc-tap-tai-chinh-doanh-nghiep/)**

<https://baocaothuctap.net/bao-cao-thuc-tap-tai-chinh-doanh-nghiep/>

1.2.2-Ý nghĩa

Phân tích tình hình tài chính của công ty cổ phần là một công việc có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Nó không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân công ty, mà còn cần thiết cho các chủ thể quản lý khác có liên quan đến công ty cổ phần. Phân tích tình hình tài chính của công ty cổ phần sẽ giúp cho quản trị công ty khắc phục được những thiếu sót, phát huy những mặt tích cực và dự đoán được tình hình phát triển của công ty trong tương lai. Trên cơ sở đó, quản trị công ty đề ra những giải pháp

hữu hiệu nhằm lựa chọn quyền định phương án tối ưu cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Phân tích tình hình tài chính của công ty sẽ giúp cho các nhà quản trị công ty thấy được những nét sinh động trên “bức tranh tài chính” của công ty thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực các thông tin tài chính cần thiết cho chủ công ty và các nhà đầu tư, các nhà cho vay, các khách hàng, các cổ đông
- Cung cấp thông tin về tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động nguồn vốn, khả năng sinh lợi và hiệu quả sản xuất kinh doanh
- Cung cấp thông tin về tình hình công nợ, khả năng thu hồi các khoản phải thu, khả năng thanh toán các khoản phải trả cũng như các nhân tố khác ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

1.3.Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá tài chính doanh nghiệp, bao gồm hệ thống các công cụ và biện pháp nhằm tiếp cận, nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng, các mối quan hệ bên trong và bên ngoài, các luồng dịch chuyển và biến đổi tình hình hoạt động tài chính doanh nghiệp, các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu chi tiết, các chỉ tiêu tổng quát chung, các chỉ tiêu có tính chất đặc thù nhằm đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

1.3.1- Phương pháp luận

Đánh giá tài chính phải nắm vững những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị học, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật, các phạm trù của phép duy vật biện chứng để tiến hành đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi đánh giá tài chính doanh nghiệp, cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Xem xét sự kiện kinh tế một cách toàn diện trong quá trình vận động và phát triển của chúng

- Xem xét sự kiện kinh tế trong mối liên hệ biện chứng giữa các sự kiện.
- Xem xét sự kiện kinh tế phải xuất phát từ thực tế khách quan và phải có quan điểm lịch sử cụ thể
- Xem xét sự kiện kinh tế phải thường xuyên phát hiện mâu thuẫn, phân loại mâu thuẫn và tìm ra các biện pháp để giải quyết các mâu thuẫn đó.

1.3.2- Phương pháp đánh giá

Về mặt lý thuyết, có nhiều phương pháp đánh giá hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ, phương pháp loại trừ, phương pháp liên hệ, phương pháp tương quan và hồi quy bội... Nhưng ở đây chỉ giới thiệu những phương pháp cơ bản thường được vận dụng trong đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.

☐ ***Phương pháp tỷ số***

Phương pháp tỷ số là một phương pháp quan trọng, nó cho phép xác định rõ cơ sở, những mối quan hệ kết cấu và xu thế quan trọng về tình hình tài chính một doanh nghiệp.

Các tỷ số là công cụ chính trong kỹ thuật đánh giá. Các tỷ số tài chính phản ánh đặc trưng tài chính của doanh nghiệp và được chia ra 5 loại chủ yếu:

- Tỷ số khả năng thanh toán
- Tỷ số kết cấu tài chính doanh nghiệp
- Tỷ số hoạt động kinh doanh
- Tỷ số khả năng sinh lời
- Tỷ số giá thị trường

Tuy nhiên, các tỷ số đó tự nó không có ý nghĩa, bởi vậy ta phải kết hợp với phương pháp so sánh.

☐ ***Phương pháp so sánh***

Phương pháp so sánh là phương pháp xem xét một chỉ tiêu đánh giá bằng cách dựa trên việc so sánh với một chỉ tiêu cơ sở (chỉ tiêu gốc) để thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa các chỉ tiêu đánh giá trên những phương diện nhất định. Đây là phương

pháp đơn giản và được sử dụng phổ biến trong đánh giá tài chính và thường được thực hiện ở bước đầu của việc đánh giá. Việc sử dụng phương pháp so sánh là nhằm mục đích:

- Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong mọi mặt của hoạt động tài chính của doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã đặt ra bằng cách so sánh giữa các trị số của chỉ tiêu kỳ thực tế với trị số của chỉ tiêu kỳ kế hoạch.
- Đánh giá tốc độ tăng trưởng hay giảm đi của các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của hiện tượng và kết quả kinh tế nhằm xác định rõ xu hướng thay đổi về tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp thông qua việc so sánh giữa kết quả kỳ này với kết quả kỳ trước.
- Đánh giá mức độ tiên tiến hay lạc hậu của đơn vị, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt hay xấu, khả quan hay không khả quan bằng cách so sánh giữa kết quả của bộ phận hay đơn vị thành viên với kết quả trung bình của tổng thể hoặc so sánh giữa kết quả của đơn vị này với kết quả của đơn vị khác có cùng quy mô hoạt động, trong cùng lĩnh vực hoạt động.

Tuy nhiên, vấn đề cần chú ý là khi thực hiện phép so sánh, hai số liệu đưa ra so sánh phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Sự phù hợp về không gian và thời gian
- Sự thống nhất về nội dung kinh tế
- Sự thống nhất về phương pháp tính toán các chỉ tiêu
- Sự thống nhất về đơn vị tính các chỉ tiêu (kể cả hiện vật, giá trị và thời gian) và phải được thu thập trong cùng một độ dài thời gian
- Cùng phương hướng kinh doanh, quy mô và điều kiện kinh doanh tương tự nhau.

Về phương pháp so sánh, có thể so sánh số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân

- Phương pháp số tuyệt đối: Là hiệu của hai chỉ tiêu: chỉ tiêu phân tích và chỉ tiêu gốc
- Phương pháp số tương đối: Là tỉ lệ phần trăm của chỉ tiêu kỳ phân tích so với chỉ tiêu kỳ gốc để thực hiện mức độ hoàn thành. Hoặc tỉ lệ của số chênh lệch tuyệt đối so với

chỉ tiêu gốc để nói lên tốc độ tăng trưởng. Biểu thị dưới dạng phần trăm, số tỷ lệ hoặc hệ số

Phương pháp so sánh là một trong những phương pháp rất quan trọng. Nó được sử dụng rộng rãi và phổ biến nhất trong bất kỳ một hoạt động đánh giá nào của doanh nghiệp. Trong đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, nó được sử dụng rất đa dạng và linh hoạt

Tiêu chuẩn so sánh:

- Chỉ tiêu kế hoạch một kỳ kinh doanh
- Tình hình thực hiện các kỳ kinh doanh đã qua
- Chỉ tiêu của các doanh nghiệp tiêu biểu cùng ngành
- Chỉ tiêu bình quân của nội ngành
- Các thông số thị trường, các chỉ tiêu có thể so sánh khác...
- So sánh xác định xu hướng và tính chất liên hệ giữa các chỉ tiêu

Xem thêm 55 **[ĐỀ TÀI BÁO CÁO THỰC TẬP NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG](https://baocaothuctap.net/cac-de-tai-lam-bao-cau-thuc-tap-nganh-tai-chinh-ngan-hang/)**

<https://baocaothuctap.net/cac-de-tai-lam-bao-cau-thuc-tap-nganh-tai-chinh-ngan-hang/>

Quá trình đánh giá theo phương pháp so sánh có thể thực hiện bằng 3 hình thức:

- So sánh chiều ngang
- So sánh chiều dọc
- So sánh xác định xu hướng và tính chất liên hệ giữa các chỉ tiêu

□ ***Phương pháp phân bổ***

Một hiện tượng kinh tế do nhiều bộ phận cấu thành. Nếu chỉ nghiên cứu hiện tượng kinh tế qua chỉ tiêu tổng hợp thì không thể hiểu sâu sắc hiện tượng kinh tế đó. Do vậy, cần có những chỉ tiêu chi tiết để nghiên cứu từng bộ phận, từng mặt cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh, hay nói cách khác, phải sử dụng phương pháp phân tổ. Phân tổ là phân chia sự kiện nghiên cứu, các kết quả kinh tế thành nhiều bộ phận, nhiều tổ theo

những tiêu thức nhất định. Thông thường trong đánh giá, người ta có thể phân chia các kết quả kinh tế theo các tiêu thức sau:

- Phân chia theo thời gian: tháng, quý, năm
- Phân chia chi tiết theo địa điểm và phạm vi kinh doanh
- Phân chia chi tiết theo các bộ phận cấu thành của chỉ tiêu phân tích

Phương pháp đánh giá tình hình tài chính được sử dụng là phương pháp so sánh. So sánh giữa thực hiện kỳ này với kỳ trước để thấy xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp. So sánh giữa thực tế với kế hoạch để thấy mức độ phấn đấu (mức độ đạt được mục tiêu). So sánh giữa doanh nghiệp với đối thủ cạnh tranh hoặc mức trung bình của ngành để thấy sức mạnh tài chính của doanh nghiệp với đối thủ cạnh tranh, hoặc tình trạng tốt hay xấu so với ngành.

1.3.3- Phương pháp cân đối.

Là phương pháp mô tả và đánh giá các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại mối quan hệ cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng.

Phương pháp cân đối thường kết hợp với phương pháp so sánh để giúp người đánh giá có được đánh giá toàn diện về tình hình tài chính.

Phương pháp cân đối là cơ sở sự cân bằng về lượng giữa tổng số tài sản và tổng số nguồn vốn, giữa nguồn thu, huy động và tình hình sử dụng các loại tài sản trong doanh nghiệp. Do sự cân bằng về lượng dẫn đến sự cân bằng và sức biến động về lượng giữa các yếu tố và quá trình kinh doanh.

1.3.4- Các giai đoạn của quá trình đánh giá

Thu thập tài liệu → kiểm tra số liệu → tiến hành phân tích → lập báo cáo tài chính.

- Thu thập tài liệu: tài liệu là căn cứ đánh giá, thường bao gồm:

Các văn kiện của các cấp bộ Đảng có liên quan đến hoạt động kinh doanh, các nghị quyết, chỉ thị của chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý cấp trên có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức

Các tài liệu hạch toán kế toán: báo cáo kế toán quản trị, báo cáo tài chính

Các biên bản hội nghị, các biên bản xử kiện có liên quan, ý kiến của tập thể lao động trong đơn vị (kể cả các đơn khiếu tố nếu có)

- Kiểm tra tài liệu: việc kiểm tra tài liệu cần tiến hành trên nhiều mặt:

Tính hợp pháp của tài liệu (trình tự lập, ban hành, người lập, cấp có thẩm quyền ký duyệt....)

Tính chính xác của các thông tin trên tài liệu

Phạm vi kiểm tra không chỉ giới hạn ở các tài liệu trực tiếp làm căn cứ đánh giá mà cả các tài liệu khác có liên quan, đặc biệt là các tài liệu gốc.

- ☐ Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp phân tích

Tùy nội dung phân tích cũng như các tài liệu sưu tầm được mà quyết định các chỉ tiêu phân tích và các phương pháp phân tích cho phù hợp

- ☐ Viết báo cáo và sử dụng báo cáo phân tích

Hệ thống báo cáo tài chính được Nhà nước quy định có tính chất bắt buộc về biểu mẫu, phương pháp lập, đối tượng và phạm vi áp dụng cũng như thời gian nộp báo cáo. Hệ thống báo cáo tài chính được quy định trong chế độ, bao gồm 4 báo cáo sau đây:

- Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01 –DN
- Báo cáo kết quả kinh doanh –Mẫu số B02 –DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ -Mẫu số B03 –DN
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính –Mẫu số B09 –DN

Đánh giá báo cáo tài chính có thể sử dụng 3 kỹ thuật là: phân tích dọc, phân tích ngang và phân tích hệ số.

Xem Bài Viết ==> **5 Đề Cương Chi Tiết Phân Tích Báo Cáo Tài Chính Doanh Nghiệp**

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-chi-tiet-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/>

1.4.Phân tích tài chính trong công ty cổ phần

1.4.1- Mục tiêu chủ yếu của phân tích tài chính trong các công ty CP

- Phân tích tình hình tài chính phải cung cấp đầy đủ các thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư, các nhà cho vay và những người sử dụng thông tin tài chính khác để giúp họ có những quyết định đúng đắn khi ra các quyết định đầu tư, quyết định cho vay.
- Phân tích tình hình tài chính phải cung cấp cho các chủ công ty, các nhà đầu tư, các nhà cho vay và những người sử dụng thông tin khác trong việc đánh giá khả năng và tính chắc chắn của dòng tiền mặt vào ra và tình hình sử dụng có hiệu quả nhất vốn kinh doanh, tình hình và khả năng thanh toán của công ty.
- Phân tích tình hình tài chính phải cung cấp những thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ, kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, sự kiện và các tình huống làm biến đổi các nguồn vốn và các khoản nợ của các công ty.

Các mục tiêu đánh giá ở trên có mối liên quan mật thiết với nhau, nó góp phần cung cấp những thông tin nền tảng đặc biệt quan trọng cho quản trị doanh nghiệp ở các công ty cổ phần

1.4.2- Vai trò của phân tích tình hình tài chính trong hệ thống quản lý của các công ty CP

Phân tích tình hình tài chính nhằm đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định , giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định chuẩn xác trong quá trình kinh doanh. Bởi vậy, việc thường xuyên tiến hành đánh giá tình hình tài chính sẽ giúp cho các nhà quản trị công ty và các cơ quan chủ quản cấp trên thấy rõ hơn bức tranh về thực trạng hoạt động tài chính, xác định đầy đủ và đúng đắn những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tình hình tài chính của công ty. Từ đó, có những giải pháp hữu hiệu để ổn định và tăng cường tình hình tài chính của công ty.

Trong điều kiện sản xuất và kinh doanh theo cơ chế thị trường, có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế khác nhau đều bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh, nhiều đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của

doanh nghiệp, mỗi đối tượng này quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp dưới những góc độ khác nhau

Trong nền kinh tế thị trường, đánh giá tài chính là mối quan tâm của nhiều nhóm người:

- Các nhà quản trị doanh nghiệp
- Các cổ đông hiện tại hoặc người đang muốn trở thành cổ đông của doanh nghiệp
- Các nhà đánh giá tài chính chuyên nghiệp
- Nhà nước, cơ quan thuế
- Các doanh nghiệp tham gia đầu tư để đa dạng hóa rủi ro
- Các nhà cho vay: ngân hàng, các định chế tài chính, người mua trái phiếu của doanh nghiệp, công ty mẹ....

Các đối tượng quan tâm đến thông tin về công ty cổ phần có thể được chia làm 2 nhóm: nhóm có quyền lợi trực tiếp và nhóm có quyền lợi gián tiếp

- Nhóm có quyền lợi trực tiếp bao gồm: các cổ đông, các nhà đầu tư tương lai, các chủ ngân hàng, các nhà cung cấp tín dụng, các nhà quản lý trong nội bộ công ty
- Nhóm có quyền lợi gián tiếp bao gồm: cơ quan quản lý Nhà nước khác ngoài cơ quan thuế, các viện nghiên cứu kinh tế, sinh viên, người lao động...

Mục đích của phân tích báo cáo tài chính là nhằm đánh giá tình hình tài chính và hoạt động của công ty để có cơ sở ra những quyết định hợp lý. Phân tích báo cáo tài chính công ty có thể do bản thân công ty hoặc tổ chức bên ngoài công ty thực hiện. Tùy theo lợi ích khác nhau, các bên có liên quan thường chú trọng đến những khía cạnh đánh giá khác nhau.

+ *Đối với các nhà quản trị tài chính*

Về mặt nội bộ, công ty cũng tiến hành phân tích tài chính để có thể hoạch định và kiểm soát hiệu quả hơn tình hình tài chính và chỉ đạo tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Phân tích tài chính giúp cho các nhà quản trị tài chính có biện pháp hữu hiệu nhằm duy trì và cải thiện tình hình tài chính công ty, nhờ đó có thể gia tăng sức mạnh của

công ty trong việc thương lượng với ngân hàng và các nhà cung cấp vốn, hàng hóa và dịch vụ bên ngoài. Do thông tin đầy đủ và hiểu rõ doanh nghiệp nên các nhà đánh giá tài chính trong doanh nghiệp có nhiều lợi thế để có thể đánh giá tài chính tốt nhất. Việc đánh giá tài chính đối với các nhà quản trị có nhiều mục tiêu:

- ✓ Phân tích tình hình tài chính trong quá khứ như: cơ cấu vốn, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính...

- ✓ Định hướng cho ban lãnh đạo ra các quyết định đầu tư, các quyết định tài trợ, quyết định phân chia lợi tức.

- ✓ Làm cơ sở cho việc lập các kế hoạch tài chính cho kỳ sau

+ ***Nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ***

Thường chú trọng đến tình hình thanh khoản và khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của công ty

+ ***Đối với các nhà đầu tư***

Mục đích của các nhà đầu tư là tìm kiếm lợi nhuận thông qua việc đầu tư và mua cổ phiếu của các công ty CP. Do vậy, họ luôn mong đợi, tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những cổ phiếu của các công ty có khả năng sinh lợi cao. Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, các nhà đầu tư cũng phải tìm cách bảo vệ an toàn cho đồng vốn đầu tư của họ. Vì lý do đó mà bên cạnh công việc quan tâm đến mua cổ tức, thời gian hoàn vốn, mức sinh lợi, mức độ thu hồi vốn, các nhà đầu tư còn quan tâm nhiều đến các thông tin về mức độ rủi ro các dự án đầu tư.

+ ***Các cổ đông***

Các cổ đông với mục tiêu đầu tư vào công ty để kiếm lợi nhuận nên quan tâm nhiều đến khả năng sinh lợi của công ty. Họ chính là các chủ sở hữu của công ty nên sử dụng các thông tin kế toán để theo dõi tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty nhằm mục đích bảo vệ tài sản của mình đã đầu tư vào công ty. Tình trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty có ảnh hưởng đến giá cả của các cổ phiếu do công ty đã phát hành. Để bảo vệ tài sản của mình, các cổ đông phải thường xuyên đánh giá tình hình tài

chính và kết quả kinh doanh của các công ty mà họ đã đầu tư để quyết định có nắm giữ các cổ phiếu của các công ty này nữa hay không

Thu nhập của các nhà đầu tư là tiền chia lợi tức cổ phần và giá trị tăng thêm của vốn đầu tư. Hai yếu tố này được quyết định bởi lợi nhuận của doanh nghiệp, lợi nhuận thực sự trong hiện tại và tương lai. Do vậy, các nhà đầu tư về cơ bản chú trọng đến lợi nhuận hiện tại và lợi nhuận kỳ vọng trong tương lai của công ty cũng như sự ổn định của lợi nhuận theo thời gian, quan tâm đến việc đánh giá khả năng sinh lời, đánh giá các cổ phiếu trên thị trường cũng như triển vọng của doanh nghiệp

+ *Đối với người cho vay*

Các chủ ngân hàng và nhà cung cấp tín dụng quan tâm đến khả năng sinh lợi và khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện trên các báo cáo kế toán. Với các quyết định cấp hay không cấp tín dụng, cấp tín dụng ngắn hạn hay dài hạn, người cho vay đều quan tâm đến khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng. Bằng việc so sánh số lượng và chủng loại tài sản với số nợ ngắn phải trả theo kỳ hạn, có thể xác định được khả năng thanh toán của doanh nghiệp và quyết định có nên cho doanh nghiệp vay hay không. Chủ ngân hàng còn quan tâm đến vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và coi đó như là nguồn đảm bảo cho ngân hàng có thể thu hồi nợ khi doanh nghiệp bị thua lỗ và phá sản. Ngân hàng sẽ hạn chế cho các doanh nghiệp vay khi không có dấu hiệu có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Cũng giống như các chủ ngân hàng, các nhà cung cấp tín dụng khác như: các doanh nghiệp cung cấp vật tư theo phương thức trả chậm cần thông tin để quyết định có bán hàng trả chậm cho doanh nghiệp hay không.

+ *Cơ quan thuế*

Cơ quan thuế cần các thông tin kế toán để xác định số thuế mà doanh nghiệp phải nộp

+ *Các cơ quan quản lý khác của Chính phủ*

Các cơ quan quản lý khác của Chính phủ cần các thông tin kế toán của doanh nghiệp để phục vụ cho việc đánh giá tài chính, kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch quản lý vĩ mô

+ *Người lao động*

Người lao động cũng quan tâm đến các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp để đánh giá triển vọng của nó trong tương lai. Những người đi tìm việc đều có nguyện vọng được vào làm việc ở những công ty có triển vọng sáng sủa với tương lai lâu dài để hy vọng có mức lương xứng đáng và chỗ làm việc ổn định. Do vậy, một công ty có tình hình tài chính và tương lai ảm đạm đang đứng trên bờ vực của sự phá sản sẽ không thu hút được những người lao động đến làm việc

+ *Đối thủ cạnh tranh*

Đối thủ cạnh tranh cũng quan tâm đến khả năng sinh lợi, doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu tài chính khác trong điều kiện có thể để tìm biện pháp cạnh tranh với công ty

+ *Nhà nghiên cứu, sinh viên*

Các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp nói chung còn được cả các nhà nghiên cứu, các sinh viên kinh tế quan tâm phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập của họ

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, khi nói đến đánh giá các báo cáo tài chính là nói đến đánh giá dựa trên góc độ của công ty, tức là đánh giá để nắm tình hình tài chính của công ty nhằm có những quyết định phù hợp cho hoạch định tài chính trong tương lai.

1.4.3- Nội dung phân tích tình hình tài chính trong các công ty CP

Nhằm phát huy vai trò, tác dụng của đánh giá tình hình tài chính và đạt được những mục tiêu do đánh giá đề ra, nội dung cơ bản của đánh giá tình hình tài chính trong các công ty CP, bao gồm:

- ✓ Đánh giá tình hình tài sản
- ✓ Đánh giá tình hình nguồn vốn
- ✓ Đánh giá tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp

✓ Đánh giá một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính doanh nghiệp.

☞ ***Phân tích tình hình tài sản***

Đánh giá cơ cấu về tài sản có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nếu doanh nghiệp có cơ cấu vốn hợp lý thì không phải chỉ sử dụng vốn có hiệu quả mà còn tiết kiệm vốn trong quá trình kinh doanh.

Để phân tích tình hình biến động về cơ cấu tài sản sử dụng các chỉ tiêu sau:

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm trong tổng tài sản. Đây là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa tài sản ngắn hạn với tổng tài sản.

Chỉ tiêu này phản ánh, cứ 100 đồng tài sản của doanh nghiệp CP thì tài sản ngắn hạn có bao nhiêu phần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp càng cao.

- Tỷ trọng của tài sản dài hạn chiếm trong tổng tài sản. Đây là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa tài sản dài hạn với tổng tài sản. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp càng cao, thể hiện quy mô năng lực sản xuất của doanh nghiệp càng lớn.

Để phân tích sự biến động về quy mô tài sản ta cần lập bảng đánh giá, trong bảng đánh giá ta so sánh giữa số kỳ nghiên cứu so với kỳ gốc bằng cả số tương đối và số tuyệt đối nhằm xác định sự biến động về quy mô tài sản doanh nghiệp qua các kỳ kinh doanh.

Số tuyệt đối bằng tổng tài sản hiện có của kỳ nghiên cứu trừ đi tổng tài sản có ở kỳ gốc.

Số tương đối là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa tổng tài sản hiện có ở kỳ nghiên cứu so với tổng tài sản có ở kỳ gốc.

Trong đó, cần xem xét sự biến động về quy mô các chỉ tiêu chi tiết như: chỉ tiêu vốn bằng tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, các khoản phải thu dài hạn, tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Phân tích chung biến động về quy mô tài sản của doanh nghiệp CP nhằm mục đích đánh giá kết quả và trạng thái tài chính của doanh nghiệp cũng như dự tính những rủi ro và những tiềm năng về tài chính trong tương lai của doanh nghiệp CP.

Qua kết quả tính toán ở bảng đánh giá có thể rút ra những kết luận cần thiết về sự biến động quy mô tài sản, cũng như đưa ra các quyết định cần thiết trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình nguồn vốn

Để phân tích cơ cấu nguồn vốn cần phân tích các chỉ tiêu sau:

- Tỷ trọng của nợ phải trả chiếm trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa nợ phải trả với tổng nguồn vốn. Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng tổng nguồn vốn thì có bao nhiêu đồng nợ phải trả. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ nguồn vốn mà doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng thì chủ yếu là vốn vay nợ mà có. Nếu thực tế là như vậy thì doanh nghiệp CP đang gặp rất nhiều khó khăn về tình hình tài chính và rủi ro về tài chính của doanh nghiệp ngày càng tăng.

- Tỷ trọng của vốn chủ sở hữu chiếm trong tổng nguồn vốn. Là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu với tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ khả năng độc lập về tài chính càng lớn. Doanh nghiệp có thể đảm bảo nhu cầu về vốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Để phân tích sự biến động quy mô về nguồn vốn ta cũng lập bảng phân tích tương tự như phần đánh giá về tài sản. Trong đó, cần xem xét sự biến động quy mô của các chỉ tiêu chi tiết như: chỉ tiêu nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, vốn chủ sở hữu, nguồn kinh phí và quỹ...

Qua số liệu và kết quả tính toán ở bảng phân tích có thể rút ra những kết luận về tình hình biến động nguồn vốn của doanh nghiệp CP, đồng thời đưa ra những quyết định cần thiết về việc huy động các nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Ngoài những chỉ tiêu phản ánh khái quát, cần thiết phải đi sâu phân tích những khoản mục chi tiết, nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh.

TÀI 5 **BÀI MẪU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

<https://baocaothuctap.net/bai-mau-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/>

Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán

• *Phân tích tình hình thanh toán*

Trong quá trình sản xuất kinh doanh luôn phát sinh việc thu chi và thanh toán. Các khoản phải thu phải trả cần một khoản thời gian nhất định mới thanh toán được. Còn thời gian thanh toán dài hay ngắn hay ngắn, điều này tùy thuộc vào: chế độ quy định của nhà nước về nộp thuế, nộp lãi, tùy thuộc vào phương thức thanh toán đang được áp dụng hiện hành, tùy thuộc vào mối quan hệ và sự thỏa thuận giữa các đơn vị với nhau.

Vấn đề thanh toán trở nên đặc biệt quan trọng đối với những doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn với tỷ lệ cao so với vốn kinh doanh. Bởi vậy, việc đánh giá tình hình thanh toán, tìm ra nguyên nhân của mọi sự ngưng trệ, kê đọng các khoản nợ nhằm tiến tới làm chủ về tài chính có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trước tiên, cần lập bảng phân tích các khoản phải thu. Để đánh giá các khoản phải thu, trước hết cần so sánh tổng số các khoản phải thu kỳ nghiên cứu so với kỳ gốc cả về số tuyệt đối và tương đối có nhận xét chung về tình hình thanh toán của doanh nghiệp. Sau đó cần xem xét tình hình biến động của từng khoản thu. Nếu tổng số khoản phải thu mà giảm thì điều đó thể hiện cố gắng của doanh nghiệp trong việc đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu, làm cho việc sử dụng vốn của doanh nghiệp có hiệu quả hơn, giảm bớt những khó khăn về vốn mà doanh nghiệp phải đương đầu.

Tiếp sau việc đánh giá các khoản phải thu, cần tiến hành đánh giá các khoản phải trả. Đây cũng là một trong những vấn đề mà quản trị doanh nghiệp cần quan tâm đúng mức, góp phần làm lành mạnh hóa hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Việc đánh giá các khoản phải trả được thông qua bằng bảng phân tích. Để đánh giá các khoản phải trả, cần so sánh tổng số các khoản phải trả của kỳ nghiên cứu với kỳ gốc bằng cả số tuyệt đối và tương đối. Nếu tổng các khoản phải trả giảm, điều đó thể hiện doanh nghiệp đã rất cố gắng trong việc thanh toán các khoản phải trả, làm giảm bớt lượng tiền đi chiếm dụng. Điều đó có nghĩa doanh nghiệp rất tôn trọng kỷ luật thanh toán và kỷ luật tín dụng. Trong đó, cần đi sâu đánh giá thêm các chỉ tiêu như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải nộp ngân sách nhà Nước, vay ngắn hạn, vay dài hạn... Đây là những khoản thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng các khoản phải trả. Nếu các khoản phải trả này được doanh nghiệp thanh toán dứt điểm thì các khoản nợ khế đọng giảm đi rất nhiều, và do đó tình hình tài chính của doanh nghiệp luôn luôn khả quan, tình hình rủi ro về tài chính sẽ rất thấp.

• ***Phân tích khả năng thanh toán***

Tình hình tài chính của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến tình hình và khả năng thanh toán. Khả năng thanh toán của doanh nghiệp được biểu hiện ở số tiền và tài sản mà doanh nghiệp hiện có, có thể dùng để trang trải các khoản công nợ. Để đánh giá khả năng thanh toán, sử dụng các chỉ tiêu sau:

+ **Hệ số thanh toán tổng quát:**

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \text{Tổng tài sản} / \text{Tổng nợ}$$

Hệ số này phản ánh khả năng thanh toán chung của các loại tài sản ở doanh nghiệp.

K_{TQ} càng lớn càng tốt.

+ **Khả năng thanh toán của tài sản ngắn hạn**

Để thanh toán các khoản nợ thì tài sản ngắn hạn có ý nghĩa rất lớn. Ta có thể sử dụng hệ số thanh toán chung:

$$\text{Hệ số thanh toán chung} = \text{Tổng tài sản ngắn hạn} / \text{Tổng nợ ngắn hạn}$$

+ **Khả năng thanh toán nhanh:**

Hệ số thanh toán nhanh = (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Tổng nợ ngắn hạn

☞ **Phân tích một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính doanh nghiệp.**

• ***Phân tích kết cấu tài chính và tình hình đầu tư***

Phân tích kết cấu tài chính và tình hình đầu tư nhằm mục đích:

- Xác định cấu trúc tài chính của công ty, xác định các ưu nhược điểm của cấu trúc tài chính hiện tại
- Khi nào thì cần sử dụng vốn vay để nâng cao lợi ích cho chủ sở hữu
- Mức độ quan trọng của tài sản cố định
- Hiện trạng đầu tư có đáp ứng được nhu cầu phát triển ở hiện tại và trong tương lai hay không

Để đánh giá, ta so sánh số cuối kỳ với số đầu kỳ theo từng chỉ tiêu. Xem xét nguyên nhân biến động của từng loại chỉ tiêu. Những chỉ tiêu phản ánh kết cấu tài chính như sau:

$$\textbf{Hệ số nợ} = \textbf{Nợ phải trả} / \textbf{Tổng tài sản}$$

Hệ số nợ cho biết bao nhiêu phần trăm tài sản của công ty được tài trợ bằng vốn vay. Các chủ nợ thường thích một hệ số nợ vừa phải, tỷ số nợ càng thấp, món nợ càng được bảo đảm ở trường hợp công ty bị phá sản. Ngược lại các chủ doanh nghiệp thường muốn có một hệ số nợ cao vì họ muốn gia tăng lợi nhuận nhanh và vì việc tăng thêm vốn tự có sẽ làm giảm quyền điều khiển hay kiểm soát của công ty. Nếu hệ số nợ quá cao, sẽ có nguy cơ khuyến khích sự vô trách nhiệm của chủ sở hữu, nhất là doanh nghiệp tư nhân, họ có thể đưa ra các quyết định kinh doanh liều lĩnh có nhiều rủi ro như đầu cơ, kinh doanh trái phép để có thể sinh lợi thật lớn. Nếu có thất bại, họ sẽ mất mát rất ít vì sự góp phần đầu tư của họ rất nhỏ.

$$\textbf{Hệ số tự tài trợ} = \textbf{Vốn chủ sở hữu} / \textbf{Tổng tài sản}$$

Hệ số tự tài trợ cho biết bao nhiêu phần trăm tài sản của công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu (tỷ lệ giữa nguồn vốn chủ sở hữu của công ty so với tổng nguồn vốn của công ty)

Trên cơ sở các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn, có thể xây dựng một số chỉ tiêu chủ yếu đánh giá tình hình đầu tư của doanh nghiệp. Trước hết cần phải đánh giá một số mặt cụ thể:

- Phân tích về hướng đầu tư
- Phân tích về loại hình đầu tư
- Phân tích về quy mô đầu tư
- Phân tích về hiệu quả vốn đầu tư

Các chỉ tiêu nhằm đánh giá tình hình đầu tư:

- Tỷ suất đầu tư tài sản cố định. Là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa tài sản cố định với tổng tài sản. Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng tài sản thì có bao nhiêu đồng đầu tư về tài sản cố định. Chỉ tiêu này càng cao, phản ánh quy mô về cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp càng được tăng cường, năng lực sản xuất doanh nghiệp càng được mở rộng. Phản ánh xu hướng phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng bền vững, tình hình tài chính của doanh nghiệp ngày càng khả quan hơn.

- Tỷ suất đầu tư tài chính ngắn hạn là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với tổng tài sản ngắn hạn

- Tỷ suất đầu tư tài chính dài hạn là chỉ tiêu biểu hiện mối quan hệ tỷ lệ giữa các khoản đầu tư tài chính dài hạn với tổng tài sản dài hạn của doanh nghiệp.

• **Phân tích các tỷ số hoạt động**

+ **Số vòng quay vốn hàng tồn kho:**

$$\text{Số vòng quay HTK} = DT \text{ thuần} / \text{HTK}$$

Chỉ tiêu số vòng quay hàng tồn kho nhằm đánh giá tốc độ luân chuyển hàng tồn kho. Đây là một chỉ tiêu kinh doanh khá quan trọng vì dự trữ nguyên vật liệu là để sản xuất hàng hóa, sản xuất hàng hóa là để tiêu thụ nhằm thu được doanh thu và lợi nhuận cao trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của thị trường.

+ **Số ngày tồn kho:**

$$\text{Số ngày tồn kho} = 360 / \text{Số vòng quay HTK}$$

+ Số vòng quay khoản phải thu:

$$\text{Số vòng quay khoản phải thu} = DT \text{ thuần} / \text{Khoản phải thu BQ}$$

Số vòng quay khoản phải thu nói lên tình hình thu tiền từ khách hàng hay chính sách bán chịu của công ty. Nếu số vòng quay khoản phải thu cao thì vốn của công ty ít bị ứ đọng trong khâu thanh toán.

• Phân tích hiệu quả sử dụng vốn

Kết quả của việc quản lý và sử dụng vốn có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ta sử dụng các chỉ tiêu về hiệu suất sử dụng vốn từ đó giúp ta xem xét doanh nghiệp đã khai thác các nguồn lực vào hoạt động kinh doanh như thế nào.

Các chỉ tiêu về hiệu suất sử dụng vốn như sau:

+ Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Hiệu suất sử dụng tài sản} = DT \text{ thuần} / \text{Tổng tài sản BQ}$$

+ Hiệu suất sử dụng tài sản cố định:

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \text{Doanh thu thuần} / \text{Tài sản cố định BQ}$$

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định là chỉ tiêu được sử dụng để đo lường việc sử dụng tài sản cố định như thế nào, tỷ số này càng cao thì càng tốt.

+ Số vòng quay vốn lưu động:

$$\text{Số vòng quay vốn lưu động} = DT \text{ thuần} / \text{Vốn lưu động BQ}$$

Số vòng quay vốn lưu động nhằm đánh giá khái quát tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng vốn lưu động

+ Số ngày quay vòng vốn lưu động:

$$\text{Số ngày quay vòng vốn lưu động} = 360 / \text{Số vòng quay vốn lưu động}$$

• Phân tích khả năng sinh lời

Phân tích khả năng sinh lời sử dụng các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận phản ánh kết quả của hàng loạt chính sách và quyết định của doanh nghiệp. Xem xét lợi nhuận sau thuế tạo ra trong mối quan hệ so sánh với doanh thu (khả năng sinh lời của hoạt động), tài sản

(khả năng sinh lời của tài sản), vốn chủ sở hữu (khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu) gồm những chỉ tiêu sau:

$$\text{Doanh lợi tiêu thụ (ROS)} = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{DT thuần}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức sinh lời trên doanh thu

$$\text{Doanh lợi tài sản (ROA)} = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Tài sản BQ}$$

Doanh lợi tài sản phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh hiệu quả của các loại tài sản được đầu tư hay còn được gọi là khả năng sinh lời của chủ đầu tư.

$$\text{Doanh lợi vốn tự có} = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Vốn chủ sở hữu BQ}$$

Doanh lợi vốn tự có phản ánh hiệu quả của vốn tự có, hay chính xác hơn là đo lường mức sinh lời đầu tư của vốn chủ sở hữu. Những nhà đầu tư thường quan tâm đến chỉ tiêu này bởi vì họ quan tâm đến khả năng thu nhận được lợi nhuận so với vốn do họ bỏ ra để đầu tư.

1.5.Nguồn tài liệu sử dụng.

1.5.1- Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính được lập vào một thời điểm nhất định theo hai cách phân loại tài sản và nguồn hình thành tài sản, đồng thời phải cân đối với nhau, do đó nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhiều đối tượng có quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý kinh tế tài chính trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán được chia làm hai phần:

- **Phần tài sản** phản ánh giá trị của toàn bộ tài sản hiện có đến thời điểm lập báo cáo thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp. Bao gồm: tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Mỗi loại đó lại bao gồm nhiều chỉ tiêu khác nhau được sắp xếp theo một trình tự phù hợp với yêu cầu công tác quản lý trong từng giai đoạn. Xét về mặt kinh tế, các chỉ tiêu ở phần này phản ánh số tài sản hiện có của doanh nghiệp ở thời điểm lập báo cáo, còn xét về mặt pháp lý, nó phản ánh vốn thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý lâu dài của doanh nghiệp.

- **Phần nguồn vốn** phản ánh nguồn hình thành nên các loại tài sản, bao gồm: nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu. Mỗi loại lại bao gồm các chỉ tiêu khác nhau và cũng được sắp xếp theo trình tự thích hợp với yêu cầu của công tác quản lý. Xét về mặt kinh tế, các chỉ tiêu thuộc phần nguồn vốn phản ánh các nguồn hình thành nên tài sản có của doanh nghiệp, còn xét về phương diện pháp lý, các chỉ tiêu này phản ánh trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp đối với các đối tượng đầu tư vốn (Nhà nước, ngân hàng, cổ đông), cũng như với khách hàng thông qua công nợ phải trả.

Bảng cân đối kế toán có những đặc điểm sau:

- Các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán được phản ánh dưới hình thái giá trị, cho nên ta có thể tổng hợp được toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm. Từ đó cho phép ta đánh giá khái quát tình hình tài chính qua các chỉ tiêu trên.

- Các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán được phản ánh tại một thời điểm nhất định, thời điểm đó thường là vào ngày cuối cùng của kỳ hạch toán. Căn cứ vào hai thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ cho phép ta đánh giá những biến động của tài sản và nguồn vốn giữa các kỳ kế toán

- Bảng cân đối kế toán có kết cấu hai phần, thực chất phản ánh hai mặt của một lượng tài sản, cho nên tổng tài sản luôn luôn bằng tổng nguồn vốn, tức là:

$$\text{Tài sản} = \text{Nguồn vốn}$$

$$\text{Hay: Tài sản} = \text{Nợ phải trả} + \text{Vốn chủ sở hữu}$$

$$\text{Hoặc: Vốn chủ sở hữu} = \text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả}$$

Như vậy, thông qua bảng cân đối kế toán, ta có thể biết được toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, hình thái vật chất, cơ cấu của tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn. Do đó, bảng cân đối kế toán là một tài liệu quan trọng để nghiên cứu, đánh giá một cách tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh, trình độ sử dụng vốn và những triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1.5.2- Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh là một báo cáo tài chính phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định và những nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thực hiện đối với Nhà nước. Số liệu trong báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp nhất về phương thức kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ, cho thấy các hoạt động đó đem lại lợi nhuận hay gây thua lỗ.

Bảng kết quả kinh doanh được các nhà đầu tư quan tâm nhiều hơn bởi vì nó cho thấy các số liệu về những hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định. Nó có thể được sử dụng như một bảng hướng dẫn để dự tính xem doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai. Một bảng kết quả kinh doanh đối chiếu những khoản tiêu thụ được khi bán hàng hóa và dịch vụ cũng như các khoản thu khác với tất cả các khoản chi phí phát sinh để vận hành doanh nghiệp. Kết quả thu được là một khoản lời hay lỗ trong kỳ. Lợi nhuận trên báo cáo thu nhập là hiệu số giữa doanh thu và chi phí.

1.5.3- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

Mục đích của báo cáo lưu chuyển tiền tệ: báo cáo các khoản thu, chi tiền được phân loại theo các hoạt động. Ý nghĩa của báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Xác định lượng tiền do các hoạt động kinh doanh mang lại trong kỳ và dự đoán các dòng tiền trong tương lai.

- Đánh giá khả năng thanh toán nợ vay và khả năng trả lãi cổ phần bằng tiền
- Chỉ ra mối liên hệ giữa lãi, lỗ ròng và việc thay đổi tiền của doanh nghiệp
- Là công cụ lập kế hoạch

Cấu trúc của báo cáo lưu chuyển tiền tệ: bao gồm ba phần

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào hoặc chi ra liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào hoặc chi ra liên quan đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào hoặc chi ra liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

1.6.Những hạn chế của đánh giá tài chính

- Có nhiều công ty quy mô rất lớn và hoạt động đa ngành, thậm chí hoạt động trong những ngành rất khác nhau, nên rất khó xây dựng và ứng dụng hệ thống các tỷ số bình quân ngành có ý nghĩa đối với những công ty này. Do đó, đánh giá báo cáo tài chính thường chỉ có ý nghĩa trong những công ty nhỏ và không hoạt động đa ngành.

- Lạm phát có thể ảnh hưởng xấu và làm sai lệch thông tin tài chính được ghi nhận trên các báo cáo tài chính khiến cho việc tính toán các chỉ số phân tích tài chính trở nên sai lệch.

- Các yếu tố thời vụ cũng làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của công ty và khiến cho các tỷ số tài chính có khuynh hướng thay đổi bất thường. Chẳng hạn, vào mùa vụ, tồn kho tăng lên cao hơn bình thường, nếu sử dụng chỉ số vòng quay hàng tồn kho sẽ thấy công ty có vẻ hoạt động kém hiệu quả.

- Các tỷ số tài chính được xây dựng và tính toán từ báo cáo tài chính nên mức độ chính xác của nó phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng và nguyên tắc thực hiện kế toán. Thế nhưng, nguyên tắc và thực hành kế toán lại có thể khác nhau giữa các công ty, các ngành và các quốc gia, do đó, thực hành kế toán có thể làm sai lệch đi các tỷ số tài chính.

- Các nhà quản lý còn có thể lợi dụng nguyên tắc thực hành kế toán để chủ động tạo ra các báo cáo tài chính và qua đó tạo ra các tỷ số tài chính như ý muốn của mình khiến cho đánh giá báo cáo tài chính không còn là công cụ đánh giá và kiểm soát khách quan.

- Đôi khi công ty có vài tỷ số rất tốt nhưng vài tỷ số khác rất xấu làm cho việc đánh giá chung tình hình tài chính công ty trở nên khó khăn và kém ý nghĩa.